



bǎn běn

版本

Noun · edition

## Example Sentences

zhè shì xīn bǎn běn de shū

这是新版本的书。

This is the new version of the book.

wǒ xià zài le zuì xīn bǎn běn de ruǎn jiàn

我下载了最新版本的软件。

I downloaded the latest version of the software.

zhè ge gù shì de bǎn běn yǒu hěn duō měi gè dōu lüè yǒu bù tóng

这个故事的版本有很多，每个都略有不同。

There are many versions of this story, each slightly different.

Trace each character, then write the word on your own.

版 版 版 版 版 版 版 版 版 版 版

本 本 本 本 本 本 本 本